ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2109 /QĐ-UBND	*Khánh Hoà, ngày 24 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 1100/SKHĐT-VP ngày 17/4/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (t/h);
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- TT HĐND tỉnh, Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh, Cổng TTĐT CCHC tỉnh;
- Trung tâm CNTT&DVHCCTT tỉnh;
- Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, LH, ĐL.

CHỦ TỊCH

Lê Đức Vinh

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

LawSoft * Tel: +

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH HÀNH CHÍNH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2109/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

1. Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I	**Lĩnh vực đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư**				
1.	Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh dự án do nhà đầu tư đề xuất BKH-KHA-272067	Thời hạn thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh gồm: - Đối với dự án quan trọng quốc gia: Không quá 90 ngày; - Đối với dự án nhóm A: Không quá 40 ngày; - Đối với dự án nhóm B, nhóm C: Không quá 30 ngày.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Luật Đầu tư công; Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018; Thông tư số 09/2018/TT-BKHĐT ngày 28/12/2018; Quyết định số 244/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.
2.	Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án do nhà đầu tư đề xuất BKH-KHA-272066	Thời hạn thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh gồm: - Đối với dự án quan trọng quốc gia: Không quá 90 ngày; - Đối với dự án nhóm A: Không quá 40 ngày;	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Luật Đầu tư công; Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018; Thông tư số 09/2018/TT-BKHĐT ngày 28/12/2018; Quyết định số 244/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		- Đối với dự án nhóm B, nhóm C: Không quá 30 ngày			
3.	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án do nhà đầu tư đề xuất BKH-KHA-272065	- Đối với dự án nhóm A: Tối đa 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Đối với dự án nhóm B: Tối đa 30 ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Luật Đầu tư công; Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018; Thông tư số 09/2018/TT-BKHĐT ngày 28/12/2018; Quyết định số 244/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.
II	**Lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa**				
	Mục 1. Thành lập và hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo				
1.	Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo BKH-KHA-272057	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018; Thông tư 06/2019/TT-BKHĐT ngày 29/3/2019; Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018.
2.	Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không	Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày

LawSoft * Tel: +

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	BKH-KHA-272058		Sở Kế hoạch và Đầu tư		11/3/2018; Thông tư 06/2019/TT-BKHĐT ngày 29/3/2019; Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018.
3.	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo BKH-KHA-272059	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018; Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018; Thông tư 06/2019/TT-BKHĐT ngày 29/3/2019; Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018.
4.	Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo BKH-KHA-272060	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018; Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018; Thông tư 06/2019/TT-BKHĐT ngày 29/3/2019; Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018.
5.	Thông báo chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không	Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày

LawSoft * Tel: +8

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	BKH-KHA-272061		Sở Kế hoạch và Đầu tư		11/3/2018; Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018; Thông tư 06/2019/TT-BKHĐT ngày 29/3/2019; Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018.
	Mục 2. Đề nghị hỗ trợ tư vấn				
6.	Thủ tục hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018; Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018; Thông tư 06/2019/TT-BKHĐT ngày 29/3/2019; Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018.
III	**Đầu tư bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài**				
1.	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt Văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA viện trợ	1. Thời gian thẩm định văn kiện chương trình, dự án tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch	Không	Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016; Nghị định số 132/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018;

LawSoft * Tel: +

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	không hoàn lại BKH-KHA-272069	a) Đối với chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, chương trình mục tiêu: không quá 90 ngày; b) Đối với dự án đầu tư nhóm A: không quá 40 ngày; c) Đối với dự án đầu tư nhóm B: không quá 30 ngày; d) Đối với dự án đầu tư nhóm C, dự án hỗ trợ kỹ thuật và chương trình, dự án khác: không quá 20 ngày. 2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của cơ quan, đơn vị được giao thẩm định, cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án và quyết định đầu tư chương trình, dự án. 3. Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ	và Đầu tư		Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08/8/2016; Quyết định số 1753/QĐ-BKHĐT ngày 28/11/2018.

LawSoft * Tel: +

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		ngày cấp có thẩm quyền ban hành quyết định đầu tư chương trình, dự án, cơ quan chủ quản thông báo cho nhà tài trợ nước ngoài và chủ dự án về quyết định đầu tư chương trình, dự án, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan Quyết định đầu tư chương trình, dự án (bản gốc hoặc bản sao có công chứng) kèm theo văn kiện chương trình, dự án đã được phê duyệt có đóng dấu giáp lai của cơ quan chủ quản để giám sát và phối hợp thực hiện.			
2.	Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản BKH-KHA-271871	1. Thời gian thẩm định văn kiện chương trình, dự án tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: a) Đối với chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia,	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016; Nghị định số 132/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018; Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08/8/2016; Quyết định số 1753/QĐ-BKHĐT

LawSoft * Tel: +

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		chương trình mục tiêu: không quá 90 ngày; b) Đối với dự án đầu tư nhóm A: không quá 40 ngày; c) Đối với dự án đầu tư nhóm B: không quá 30 ngày; d) Đối với dự án đầu tư nhóm C, dự án hỗ trợ kỹ thuật và chương trình, dự án khác: không quá 20 ngày. 2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của cơ quan, đơn vị được giao thẩm định, cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt văn kiện chương trình, dự án và quyết định đầu tư chương trình, dự án. 3. Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày cấp có thẩm quyền ban hành quyết định đầu tư chương trình, dự án,			ngày 28/11/2018.

LawSoft * Tel: +8

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		cơ quan chủ quản thông báo cho nhà tài trợ nước ngoài và chủ dự án về quyết định đầu tư chương trình, dự án, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan Quyết định đầu tư chương trình, dự án (bản gốc hoặc bản sao có công chứng) kèm theo văn kiện chương trình, dự án đã được phê duyệt có đóng dấu giáp lai của cơ quan chủ quản để giám sát và phối hợp thực hiện.			
IV	**Đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn**				
1.	Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ	- Đối với trường hợp sử dụng ngân sách địa phương: 15 ngày làm việc kể từ ngày doanh nghiệp nộp hồ sơ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018; Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018.

LawSoft * Tel: +8

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	BKH-KHA-272036	- Trường hợp sử dụng ngân sách trung ương thì thực hiện quy định của pháp luật về đầu tư công.			
V	**Thành lập và hoạt động doanh nghiệp**				
1.	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân BKH-KHA-271833	- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử: Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực. - Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp; Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh.	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.

LawSoft * Tel: +8

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
2.	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên BKH-KHA-271834	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp; Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh.	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.
3.	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên BKH-KHA-271835	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp; Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015;

LawSoft * Tel: +8

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh.	Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.
4.	Đăng ký thành lập công ty cổ phần BKH-KHA-271884	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp; Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh.	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT

LawSoft * Tel: +8

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					ngày 12/3/2019.
5.	Đăng ký thành lập công ty hợp danh BKH-KHA-271885	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp; Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh.	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.
6.	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp; Miễn lệ	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số

LawSoft * Tel: +

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	BKH-KHA-271886			phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh.	78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.
7.	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) BKH-KHA-271887	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp; Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh.	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung

LawSoft * Tel: +

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.
8.	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh BKH-KHA-271888	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp; Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh.	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.
9.	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần BKH-KHA-271889	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung

LawSoft * Tel: +

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				tiếp; Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh.	một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.
10.	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) BKH-KHA-271890	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp; Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh.	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC

LawSoft * Tel: +

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.
11.	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên BKH-KHA-271891	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp; Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh.	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.
12.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đối với trường hợp chủ sở hữu	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch	100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP

LawSoft * Tel: +

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức BKH-KHA-271892		và Đầu tư	đăng ký trực tiếp; Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh.	ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.
13.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước BKH-KHA-271893	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp; Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016;

LawSoft * Tel: +

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				hộ kinh doanh.	Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.
14.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do thừa kế BKH-KHA-271894	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp; Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh.	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.
15.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015;

LawSoft * Tel: +

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	có nhiều hơn một cá nhân hoặc nhiều hơn một tổ chức được thừa kế phần vốn của chủ sở hữu, công ty đăng ký chuyển đổi sang loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên BKH-KHA-271895		Sở Kế hoạch và Đầu tư	nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp; Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh.	Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.
16.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp BKH-KHA-271896	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp; Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC

LawSoft * Tel: +8

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				chuyển đổi từ hộ kinh doanh.	ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.
17.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc công ty huy động thêm vốn góp từ cá nhân hoặc tổ chức khác BKH-KHA-271897	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp; Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh.	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.

LawSoft * Tel: +

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
18.	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích BKH-KHA-271898	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp; Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh.	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.
19.	Đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương khác BKH-KHA-271899	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp; Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015;

LawSoft * Tel: +

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh.	Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.
20.	Thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) BKH-KHA-271900	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp; Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh.	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT

LawSoft * Tel: +

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					ngày 12/3/2019.
21.	Thông báo thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân BKH-KHA-271901	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp; Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh.	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.
22.	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần BKH-KHA-271902	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp; Miễn lệ	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số

LawSoft * Tel: +8

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh.	78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.
23.	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết BKH-KHA-271903	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp; Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh.	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung

LawSoft * Tel: +8

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.
24.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế BKH-KHA-271904	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực tiếp; Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh.	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.
25.	Thông báo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp, thông tin người đại diện theo uỷ quyền (đối với doanh nghiệp tư nhân, công	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ nếu đăng ký trực	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung

LawSoft * Tel: +8

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) BKH-KHA-271905			tiếp; Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh.	một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.
26.	Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) BKH-KHA-271906	Sau khi Phòng Đăng ký kinh doanh/Trung tâm Hỗ trợ nghiệp vụ đăng ký kinh doanh thuộc Cục Quản lý đăng ký kinh doanh nhận được phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp và Giấy đề nghị công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	300.000 đồng, nộp tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp, thời điểm đề nghị công bố; Miễn phí trong trường hợp thay đổi địa giới hành chính dẫn đến thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp;	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC

LawSoft * Tel: +

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Miễn phí công bố lần đầu trong trường hợp doanh nghiệp chuyển đổi từ hộ kinh doanh.	ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.
27.	Thông báo sử dụng, thay đổi, hủy mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) BKH-KHA-271907	Khi nhận Thông báo mẫu con dấu/Thông báo về việc thay đổi mẫu con dấu, số lượng con dấu/Thông báo về việc huỷ mẫu con dấu của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện của doanh nghiệp, Phòng đăng ký kinh doanh trao giấy biên nhận và thực hiện đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.

LawSoft * Tel: +

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
28.	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) BKH-KHA-271908	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	50.000 đồng, nộp tại thời điểm đăng ký nếu đăng ký trực tiếp; Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.
29.	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) BKH-KHA-271909	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	50.000 đồng, nộp tại thời điểm đăng ký nếu đăng ký trực tiếp; Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015;

LawSoft * Tel: +

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.
30.	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương) BKH-KHA-271910	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	50.000 đồng, nộp tại thời điểm đăng ký nếu đăng ký trực tiếp; Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT

LawSoft * Tel: +

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					ngày 12/3/2019.
31.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thay thế cho nội dung đăng ký hoạt động trong Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động BKH-KHA-271911	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	50.000 đồng, nộp tại thời điểm đăng ký nếu đăng ký trực tiếp; Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.
32.	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) BKH-KHA-271912	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	50.000 đồng, nộp tại thời điểm đăng ký nếu đăng ký trực tiếp; Miễn lệ phí đối với	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số

LawSoft * Tel: +

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.	78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.
33.	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương) BKH-KHA-271913	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	50.000 đồng, nộp tại thời điểm đăng ký nếu đăng ký trực tiếp; Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung

LawSoft * Tel: +

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.
34.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) BKH-KHA-271914	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	50.000 đồng, nộp tại thời điểm đăng ký nếu đăng ký trực tiếp; Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.
35.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư,	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	50.000 đồng, nộp tại thời điểm đăng ký nếu đăng ký trực tiếp; Miễn	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung

LawSoft * Tel: +

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương) BKH-KHA-271915			lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.	một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.
36.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương) BKH-KHA-271916	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	50.000 đồng, nộp tại thời điểm đăng ký nếu đăng ký trực tiếp; Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC

LawSoft * Tel: +8

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.
37.	Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng BKH-KHA-271917	Công ty có quyền bán cổ phần sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày gửi Thông báo mà không nhận được ý kiến phản đối của cơ quan đăng ký kinh doanh.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	200.000 đồng/lần, đối với trường hợp thực hiện trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh; Miễn lệ phí đối với trường hợp thực hiện qua mạng điện tử.	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.
38.	Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ	- Doanh nghiệp gửi Thông báo về việc bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch	100.000 đồng/lần, đối với trường hợp thực hiện trực	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần) BKH-KHA-271918	đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có thông tin hoặc có thay đổi. - Khi nhận hồ sơ hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện bổ sung, thay đổi thông tin của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	và Đầu tư	tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh; Miễn lệ phí đối với trường hợp thực hiện qua mạng điện tử.	ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.
39.	Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân BKH-KHA-271919	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016;

LawSoft * Tel: +

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.
40.	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc chia doanh nghiệp BKH-KHA-271920	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	100.000 đồng/lần, đối với trường hợp thực hiện trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh; Miễn lệ phí đối với trường hợp thực hiện qua mạng điện tử.	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.
41.	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	100.000 đồng/lần, đối với trường hợp	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	chia doanh nghiệp BKH-KHA-271921		Sở Kế hoạch và Đầu tư	thực hiện trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh; Miễn lệ phí đối với trường hợp thực hiện qua mạng điện tử.	Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.
42.	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc chia doanh nghiệp BKH-KHA-271922	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	100.000 đồng/lần, đối với trường hợp thực hiện trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh; Miễn lệ phí đối với trường hợp thực hiện qua mạng điện tử.	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC

LawSoft * Tel: +

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.
43.	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc tách doanh nghiệp BKH-KHA-271923	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	100.000 đồng/lần, đối với trường hợp thực hiện trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh; Miễn lệ phí đối với trường hợp thực hiện qua mạng điện tử.	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.

LawSoft * Tel: +

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
44.	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc tách doanh nghiệp BKH-KHA-271924	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	100.000 đồng/lần, đối với trường hợp thực hiện trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh; Miễn lệ phí đối với trường hợp thực hiện qua mạng điện tử.	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.
45.	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc tách doanh nghiệp BKH-KHA-271925	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	100.000 đồng/lần, đối với trường hợp thực hiện trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh; Miễn lệ phí đối với trường hợp	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015;

LawSoft * Tel: +8

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				thực hiện qua mạng điện tử.	Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.
46.	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh) BKH-KHA-271926	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	100.000 đồng/lần, đối với trường hợp thực hiện trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh; Miễn lệ phí đối với trường hợp thực hiện qua mạng điện tử.	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT

LawSoft * Tel: +

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					ngày 12/3/2019.
47.	Sáp nhập doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh) BKH-KHA-271927	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	100.000 đồng/lần, đối với trường hợp thực hiện trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh; Miễn lệ phí đối với trường hợp thực hiện qua mạng điện tử.	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.
48.	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần BKH-KHA-271928	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	100.000 đồng/lần, đối với trường hợp thực hiện trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số

LawSoft * Tel: +

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				doanh; Miễn lệ phí đối với trường hợp thực hiện qua mạng điện tử.	78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.
49.	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên BKH-KHA-271929	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ chuyển đổi, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. - Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo cho các cơ quan nhà nước liên quan	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	100.000 đồng/lần, đối với trường hợp thực hiện trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh; Miễn lệ phí đối với trường hợp thực hiện qua mạng điện tử.	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung

LawSoft * Tel: +

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Luật Doanh nghiệp; đồng thời cập nhật tình trạng pháp lý của công ty trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.			một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.
50.	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên BKH-KHA-271930	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ chuyển đổi, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. - Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo cho các cơ quan nhà nước liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Luật Doanh nghiệp; đồng thời cập nhật tình trạng	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	100.000 đồng/lần, đối với trường hợp thực hiện trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh; Miễn lệ phí đối với trường hợp thực hiện qua mạng điện tử.	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.

LawSoft * Tel: +

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		pháp lý của công ty trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.			
51.	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn BKH-KHA-271931	1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nếu có đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 199 Luật Doanh nghiệp. 2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 199, Cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo cho các cơ quan nhà nước có liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Luật Doanh nghiệp; đồng thời cập	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	100.000 đồng/lần nộp tại thời điểm nộp trực tiếp hồ sơ; Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.

LawSoft * Tel: +

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		nhật tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.			
52.	Thông báo tạm ngừng kinh doanh BKH-KHA-271932	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận về việc doanh nghiệp đã đăng ký tạm ngừng kinh doanh.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.
53.	Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ,	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	Không	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015;

LawSoft * Tel: +8

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	BKH-KHA-271933	Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận về việc doanh nghiệp đăng ký quay trở lại hoạt động trước thời hạn/Giấy xác nhận về việc chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh đăng ký quay trở lại hoạt động trước thời hạn.	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.
54.	Giải thể doanh nghiệp BKH-KHA-271934	Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp gửi đề nghị giải thể cho Cơ quan đăng ký kinh doanh trong 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp Sau thời hạn 180 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải thể theo	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC

LawSoft * Tel: +

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		khoản 3 Điều 202 Luật Doanh nghiệp mà không nhận được ý kiến về việc giải thể từ doanh nghiệp hoặc phản đối của bên có liên quan bằng văn bản hoặc trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ giải thể, Cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.			ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.
55.	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án BKH-KHA-271935	Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp gửi đề nghị giải thể cho Cơ quan đăng ký kinh doanh trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp. Sau thời hạn 180 (một trăm tám mươi) ngày, kể từ ngày thông báo	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC

LawSoft * Tel: +

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		tình trạng giải thể doanh nghiệp theo quy định mà không nhận phản đối của bên có liên quan bằng văn bản hoặc trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ giải thể, Cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.			ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.
56.	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh BKH-KHA-271936	Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC

LawSoft * Tel: +

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.
57.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp BKH-KHA-271937	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	100.000 đồng/lần nộp tại thời điểm nộp trực tiếp hồ sơ; Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.
58.	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch	100.000 đồng/lần nộp tại thời điểm nộp trực tiếp	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP

LawSoft * Tel: +

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế BKH-KHA-271938		và Đầu tư	hồ sơ; Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.	ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.
59.	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp BKH-KHA-271939	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016;

LawSoft * Tel: +8

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.
60.	Cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp BKH-KHA-271940	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	100.000 đồng/lần đối với trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Miễn lệ phí trong các trường hợp: không làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp quy	Luật Doanh nghiệp năm 2014; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019.

LawSoft * Tel: +8

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				định tại các điều từ Điều 49 đến Điều 54 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính	
VI	**Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp xã hội**				
1.	Thông báo Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường BKH-KHA-271601	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	Đối với trường hợp thành lập mới doanh nghiệp xã hội: + 100.000 đồng/lần; + Miễn phí (Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp). Đối với các doanh nghiệp đang hoạt động: Miễn	Luật Doanh nghiệp; Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015; Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17/5/2016; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017; Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018.

LawSoft * Tel: +8

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				phí (Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp)	
2.	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường BKH-KHA-271602	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	Miễn phí (Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp)	Luật Doanh nghiệp; Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015; Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17/5/2016; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017; Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018.
3.	Thông báo chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường BKH-KHA-271603	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	Miễn phí (Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp)	Luật Doanh nghiệp; Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015; Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17/5/2016; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017; Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018.

LawSoft * Tel: +

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
4.	Chuyển cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện thành doanh nghiệp xã hội BKH-KHA-271607	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Kế hoạch và Đầu tư	100.000 đồng/lần; Miễn phí (phí công khai nội dung đăng ký doanh nghiệp)	Luật Doanh nghiệp; Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015; Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17/5/2016; Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017; Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018.

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư

STT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố TTHC	Căn cứ pháp lý
I	**Lĩnh vực đầu tư vào nông nghiệp nông thôn**		
1.	Cấp quyết định hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
II	***Lĩnh vực thành lập và hoạt động* doanh nghiệp**		
2.	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và

LawSoft * Tel: +

			Đầu tư
3.	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
4.	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
5.	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
6.	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
7.	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
8.	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
9.	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
10.	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
11.	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
12.	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và

LawSoft * Tel: +

	lên		Đầu tư
13.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đối với trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
14.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
15.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do thừa kế	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
16.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do có nhiều hơn một cá nhân hoặc nhiều hơn một tổ chức được thừa kế phần vốn của chủ sở hữu, công ty đăng ký chuyển đổi sang loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
17.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
18.	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc công ty huy động thêm vốn góp từ cá nhân hoặc tổ chức khác	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
19.	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày

LawSoft * Tel: +

	nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích	28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
20.	Đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương khác	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
21.	Thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
22.	Thông báo thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
23.	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
24.	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
25.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
26.	Thông báo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp, thông tin người đại diện theo uỷ quyền (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
27.	Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân,	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và

LawSoft * Tel: +

	công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)		Đầu tư
28.	Thông báo sử dụng, thay đổi, huỷ mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
29.	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
30.	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
31.	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
32.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thay thế cho nội dung đăng ký hoạt động trong Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
33.	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

LawSoft * Tel: +

34.	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
35.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
36.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
37.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
38.	Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
39.	Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần)	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
40.	Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

LawSoft * Tel: +

41.	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc chia doanh nghiệp	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
42.	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc chia doanh nghiệp	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
43.	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc chia doanh nghiệp	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
44.	Đăng ký thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc tách doanh nghiệp	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
45.	Đăng ký thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc tách doanh nghiệp	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
46.	Đăng ký thành lập Công ty cổ phần từ việc tách doanh nghiệp	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
47.	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
48.	Sáp nhập doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
49.	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
50.	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
51.	Chuyển đổi công ty cổ phần thành	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày

LawSoft * Tel: +

	công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
52.	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
53.	Thông báo tạm ngừng kinh doanh	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
54.	Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
55.	Giải thể doanh nghiệp	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
56.	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
57.	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
58.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
59.	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
60.	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày

LawSoft * Tel: +8

	nghiệp	28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
61.	Cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
62.	Thông báo Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
63.	Thông báo thay đổi nội dung cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
64.	Thông báo chấm dứt cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
III	**Đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP)**		
65.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
66.	Điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
67.	Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
IV	**Đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư**		
68.	Giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
69.	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và

LawSoft * Tel: +8

			Đầu tư
V	**Đấu thầu, lựa chọn nhà thầu**		
70.	Giải quyết kiến nghị về các vấn đề liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
71.	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
VI	**Đầu tư bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài**		
72.	Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 1753/QĐ-BKHĐT ngày 28/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
73.	Lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 1753/QĐ-BKHĐT ngày 28/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
74.	Lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hàng	Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 1753/QĐ-BKHĐT ngày 28/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

LawSoft * Tel: +